TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 6-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Năm

Bà Nguyễn Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn D - Sinh năm 1982

- *Bị đơn:* Chị Đàm Thị D - Sinh năm 1994

Đều trú tại: Xóm 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt anh D, vắng mặt chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đinh Văn D trình bày: Anh và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã M, huyện T cấp ngày 27/02/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị D ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xô xát, anh có tát chị D vài lần. Từ tháng 9/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân, chị D bỏ nhà đi một thời gian lại về nhưng vợ chồng không sinh hoạt chung, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng, căng thẳng hơn. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị L sinh ngày 30/10/2013, hiện nay cháu đang ở với chị D. Anh D xin được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2018, anh cũng đồng ý cho chị D nuôi con và cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Anh làm công nhân, thu nhập bình quân 5.500.000đ/tháng. Tại phiên tòa anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà có đồng nào anh cho con đồng đó.

Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2018, chị D trình bày: Chị và anh D tổ chức cưới vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình, được chính quyền địa phương đồng ý và pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng yêu thương, quan tâm chăm sóc con cái, có tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn xây dựng hạnh phúc gia đình, không xích mích hoặc mất đoàn kết ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị không chấp nhận việc ly hôn với anh Đinh Văn D. Tại Biên bản hòa giải ngày 27/3/2018, chị D trình bày: Anh D thường xuyên uống rượu chửi bới vợ con, cuối năm 2016 anh D về nhà xây cổng rồi ở nhà luôn không quan tâm gì đến vợ con, không gửi tiền cho chị nuôi con. Anh D nói chị ngoại tình là không đúng nên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị L sinh ngày 30/10/2013, hiện cháu đang ở với mẹ, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh D và chị D đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh D1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn chị D2 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm 2, xã Minh C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho chị D2, nhưng chị D2 không có mặt ở nhà, do đó Tòa án đã niêm yết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất, chị D2 vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị D2 tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh D1 và chị D2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh D1 trình bày chị D2 ngoại tình nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên chưa có cơ sở xác định. Tuy nhiên, trong cuộc sống tình cảm giữa anh D1 và chị D2 đã có nhiều rạn nứt do bất đồng quan điểm sống, như anh D1 đã thừa nhận có đánh chị D2 nhiều lần, chị D2 cũng thừa nhận anh D1 thường xuyên uống rượu chửi bới vợ con, không quan tâm gì đến vợ con, không gửi tiền cho chị nuôi con. Vợ chồng đã

sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm, giúp đỡ nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình hai bên đã giàn xếp, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Quá trình giải quyết vụ án cho đến nay, chị D2 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh D1 vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D1, xử cho anh được ly hôn chị D2.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị L sinh ngày 30/10/2013, hiện cháu đang ở với mẹ, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Anh D1 cũng đồng ý giao con cho chị D2 nuôi dưỡng. Anh D1 là người có sức khỏe, có thu nhập. Vì vậy, buộc anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị D2 không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh D1 có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử cho anh Đinh Văn D1 được ly hôn chị Đàm Thị D2.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 1 con chung là cháu Đinh Thị L sinh ngày 30/10/2013. Giao cháu L cho chị D2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh D1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Anh D1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001088 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh D1 còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu